

Số: **44/2025/QĐST-DS**

Thuận Hóa, ngày 11 tháng 4 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 3, Điều 6, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 81/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2025;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1962; địa chỉ: Số B đường L, phường A, quận T, thành phố H;

* Bị đơn: Bà Trần Thị T1, sinh năm 1962; nơi thường trú: Tổ A, khu V, phường T, quận T, thành phố H; nơi ở hiện nay: Tổ dân phố C, phường T, quận T, thành phố H;

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Thị Thanh T2, sinh năm 1955; địa chỉ: Số B đường L, phường A, quận T, thành phố H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Căn cứ hợp đồng cho vay tiền ngày 10/11/2021 được lập và công chứng tại Văn phòng C. Bà Trần thị T1 công nhận còn nợ của ông Nguyễn Minh T và bà Ngô Thị Thanh T2 số tiền **800.000.000 đồng** (*Tám trăm triệu đồng*).

2.2. Về phương thức thanh toán:

Ngày 03/10/2025, bà Trần Thị T1 phải trả cho ông Nguyễn Minh T và bà Ngô Thị

Thanh T2 số tiền **800.000.000 đồng** (*Tám trăm triệu đồng*).

Sau ngày 03/10/2025, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án trong phiên hoà giải nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là: $[20.000.000 \text{ đồng} + ((800.000.000 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng}) \times 4\%)]/2 = 18.000.000 \text{ đồng}$ (*Mười tám triệu đồng*).

Các bên đương sự thỏa thuận bà Trần Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.000.000 đồng (*Mười tám triệu đồng*). Do bà Trần Thị T1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn toàn bộ án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Trần Thị T1 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Minh T là người cao tuổi nên đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND quận Thuận Hóa;
- Chi cục THADS quận Thuận Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu DS.

THẨM PHÁN

Hoàng Quang Bình